| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH A**<br>**Tỉnh Hậu Giang** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Mai Văn H

Địa chỉ: Ấp NT1, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

*2. Bị đơn:* Ông Trần Đức T

Địa chỉ: Ấp NT1, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Văn S

Địa chỉ: Ấp TH, xã TX, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Mai Văn H trình bày như sau: Ông là cha vợ của Trần Đức T, vào thời điểm ngày 05 tháng 02 năm 2002 do Trần Đức T làm ăn khó khăn nên ông có thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng để vay giùm cho Trần Đức T số tiền 20.000.000đồng. Đến năm 2007, ông đã trả nợ ngân hàng và lấy bằng khoán ra nhưng T không có khả năng trả nợ cho ông nên ông T đã làm cam kết vào ngày 07/3/2007 sẽ trả hết nợ cho ông trong năm 2007, mỗi quý trả 5.000.000đồng, nhưng đến nay T không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu T trả ông số tiền gốc 20.000.000đồng. Về lãi suất đối với nợ gốc, tại đơn khởi kiện, ông H yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 07/3/2007 đến 01/12/2022 với số tiền là 31.460.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, ông H xác định về lãi suất thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nếu ông T yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Việc T cho rằng Mai Văn S đã đứng ra trả nợ thay cho ông T, ông H yêu cầu Tòa án xác minh, và yêu cầu T, S cung cấp giấy tờ chứng minh việc đã trả nợ.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Trần Đức T trình bày như sau: Vào khoảng năm 2007, do làm ăn gặp khó khăn nên ông T có mượn của ông Mai Văn H số tiền 20.000.000đồng, tiền này ông H thế chấp QSDĐ để vay. Từ năm 2007 đến năm 2014, vợ cH ông đóng lãi đầy đủ cho ngân hàng. Tuy nhiên, thấy ông đóng lãi nhiều quá nên anh vợ ông là ông Mai Văn S đã đứng ra trả nợ cho ông. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, ông T không đồng ý trả nợ. Trường hợp Tòa án xác định ông còn nợ ông H thì ông yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này. Số nợ này là nợ ông mượn riêng và hiện tại ông và vợ đã ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn S trình bày: Ông là con ruột ông Mai Văn H là anh vợ của Trần Đức T. Trước đây, ông H có lấy bằng khoán đất của ông, giả mạo chữ ký của ông để vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 20.000.000đồng để cho T vay. Sau khi phát hiện, ông đã trả nợ Ngân hàng 20.000.000đồng để lấy bằng khoán về. Sau đó, ông H vẫn thu lãi của vợ chồng T. Ông đã nhiều lần nói với ông H về việc không nên thu lãi vợ chồng T nữa, ông mới là người có quyền đòi nợ T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Mai Văn H, bị đơn Trần Đức T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn S vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn Mai Văn H, bị đơn Trần Đức T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn S vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Ông H cho rằng ông T có vay ông số tiền 20.000.000đồng, có làm cam kết trả nợ trong năm 2007, mỗi quý 5.000.000đồng nhưng ông T không trả. Ông T cho rằng ông S đã trả nợ thay cho ông nên ông không đồng ý trả nợ, ông S xác định đã trả nợ ngân hàng thay cho T nhưng không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Từ thời điểm năm 2007 là thời điểm ông T cam kết trả nợ, đến khi ông H khởi kiện đã hơn 03 năm nhưng ông H không khởi kiện, ông T có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 427, của Bộ luật Dân sự 2005 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn H đối với ông Trần Đức T về việc yêu cầu ông T trả 20.000.000đồng và lãi suất theo quy định. Buộc ông Trần Đức T trả cho ông Mai Văn H số tiền gốc là 20.000.000đồng, đình chỉ yêu cầu tính lãi do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Về án phí: Bị đơn Trần Đức T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:*

**[1]** Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Ông Mai Văn H cho rằng ông Trần Đức T thiếu nợ tiền vay không trả nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn Trần Đức T yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, do yêu cầu của Trần Đức T có cơ sở nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là đòi lại tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]** Tại phiên tòa nguyên đơn Mai Văn H, bị đơn Trần Đức T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mai Văn S vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt những người này.

**[3]** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Mai Văn H khởi kiện yêu cầu ông Trần Đức T trả số tiền nợ vay gốc là 20.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[3.1] Đối với yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 20.000.000đồng. Nguyên đơn cung cấp "Tờ cam kết" lập ngày 07/3/2007, trong đó Trần Đức T xác định có nhờ ông H vay 20.000.000đồng từ năm 2002 nhưng không có khả năng trả nên ngày 07/3/2007 làm cam kết hứa sẽ trả trong năm 2007, mỗi quý trả 5.000.000đồng. Nội dung này phù hợp với lời thừa nhận của bị đơn là ông Trần Đức T về việc có nhờ ông H vay 20.000.000đồng. Việc ông T và ông S cho rằng ông S đã trả ngân hàng 20.000.000đồng thay cho ông T nên ông T không còn nghĩa vụ đối với ông H là chưa phù hợp. Vì ông T nhận tiền từ ông H nên có nghĩa vụ trả nợ cho ông H.

Trường hợp ông S trả món nợ ông H vay tại Ngân hàng thì có quyền đòi ông H trả lại tiền này. Hơn nữa, phía Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Châu Thành A xác định năm 2002 Chi nhánh Châu Thành A chưa thành lập, đến năm 2011 ông H có vay 40.000.000đồng và đã trả vào năm 2012, đến năm 2015 ông H tiếp tục vay 100.000.000đồng và đã trả vào năm 2016.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Trần Đức T có vay của ông Mai Văn H số tiền 20.000.000đồng chưa trả nên phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông H.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền nợ 20.000.000đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, ông Trần Đức T xác định vay của ông H 20.000.000đồng vào khoảng năm 2007, tại tờ cam kết hứa sẽ trả trong năm 2007. Tính từ ngày 01/01/2008 (hết năm 2007) là ngày ông H buộc phải biết quyền lợi ích của mình bị xâm phạm đến khi ông H khởi kiện vào ngày 05/12/2022 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự 2005 (thời hiệu khởi kiện là 02 năm) và Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015 (thời hiệu khởi kiện là 03 năm). Vì vậy, đối chiếu điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi này của ông H do đã hết thời hiệu khởi kiện.

**[4]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn là Trần Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền bằng 5% số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 20.000.000đồng x 5% = 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 255, 256 của Bộ luật Dân sự 2005, Điều 429; điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Mai Văn H đối với bị đơn là ông Trần Đức T về việc đòi tiền nợ vay.

Buộc ông Trần Đức T trả cho ông Mai Văn H số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng)

Đình chỉ yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) của ông Mai Văn H đối với ông Trần Đức T. Ông Mai Văn H không có quyền khởi kiện lại đối với ông Trần Đức T đối với yêu cầu tính lãi này.

Kể từ ngày ông Mai Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Đức T chậm trả số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) nêu trên thì ông T còn phải trả cho ông H số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn là ông Trần Đức T phải chịu 1.000.000đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn Mai Văn H, bị đơn Trần Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được

niêm yết tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn S có quyền kháng cáo nội dung bản án liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của ông trong hạn 15 kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Chúc Linh**